

GIẢI ĐÁP VƯƠNG MẮC
TẠI HỘI NGHỊ TẬP HUẤN CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI CHO NGƯỜI NỘP THUẾ
(TỔ CHỨC NGÀY 14/8/2026)

Câu 1: Câu hỏi của Công ty CP Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) - MST: 4100259564

Công ty có hoạt động xuất khẩu hàng hóa theo chương trình khuyến mại cho khách hàng ở nước ngoài, trong đó việc thực hiện chương trình khuyến mại theo đúng quy định pháp luật về thương mại, hàng khuyến mại tặng không thu tiền xác định giá tính thuế bằng không (0). Thuế suất của hàng khuyến mại không thu tiền xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% không? Và thuế GTGT đầu vào của hàng khuyến mại không thu tiền xuất khẩu có được khấu trừ không?

Trả lời:

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 ngày 11/12/2025);

Tại khoản 1 Điều 14 quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng:

Tại điểm a khoản 2 Điều 6 quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, trong đó trường hợp đưa hàng mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền thì giá tính thuế được xác định bằng không (0).

Tại điểm a khoản 1 Điều 17 quy định hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

Tại khoản 1 Điều 18 quy định điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa xuất khẩu.

Căn cứ Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, quy định người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm cả trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, cho, biếu, tặng.

Căn cứ các quy định nêu trên:

Trường hợp Công ty có hoạt động xuất khẩu hàng hóa để thực hiện chương trình khuyến mại cho khách hàng ở nước ngoài, chương trình khuyến mại được

thực hiện đúng quy định của pháp luật về thương mại, hàng hóa khuyến mại được xuất khẩu thực tế ra nước ngoài, không thu tiền của khách hàng và thuộc trường hợp hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa khuyến mại xuất khẩu.

Về thuế GTGT đầu vào, trường hợp hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ đầu vào được sử dụng để sản xuất hàng khuyến mại xuất khẩu phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ nếu Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định tại Điều 14 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và các quy định có liên quan.

Câu 2: Câu hỏi của Công ty CP Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar) - MST: 4100259564

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa, sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử để điều chuyển hàng hóa cho các chi nhánh phụ thuộc (cùng tỉnh, khác tỉnh) thực hiện việc bán hàng và lập hóa đơn cho khách hàng, sau đó định kỳ 10 ngày chi nhánh lập bảng kê hàng hóa bán ra gửi về công ty để công ty xuất hóa đơn cho hàng hóa thực tế tiêu thụ tại chi nhánh.

Công ty ban hành các chính sách bán hàng theo đúng quy định pháp luật về thương mại. Chính sách bán hàng được ban hành tập trung tại công ty và chi nhánh là đơn vị triển khai trực tiếp đến khách hàng theo chương trình của công ty. Chi nhánh xuất hóa đơn cho hàng hóa dùng để khuyến mại với giá tính thuế bằng không (0). Vậy hàng hóa từ công ty xuất cho chi nhánh thực hiện chương trình khuyến mại được xuất giá tính thuế bằng không (0). Quy định hiện hành có thay đổi điểm này không? Đề nghị Thuế tỉnh Gia Lai hướng dẫn thêm.

Hiện nay việc xuất hóa đơn định kỳ từ công ty cho chi nhánh là 3 lần/tháng (tương đương 10 ngày 1 lần). Công ty có nhu cầu giảm tần suất hóa đơn từ 3 lần/tháng về 1 lần/tháng để giảm phát sinh dữ liệu trên phần mềm kế toán. Công ty có thể thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành không? Đề nghị Thuế tỉnh Gia Lai hướng dẫn thêm.

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại:

“1. Thương nhân thực hiện khuyến mại, gồm:

a) Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);”

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định 254/2026 Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý như sau:

“d.1) Sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau;

d.2) Sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; sử dụng phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo quy định đối với hàng hóa xuất cho cơ sở làm đại lý.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng khi bán hàng phải lập hóa đơn theo quy định giao cho người mua, đồng thời lập bảng kê hàng hóa bán ra gửi về cơ sở có hàng hóa điều chuyển hoặc cơ sở có hàng hóa gửi bán (gọi chung là cơ sở giao hàng) để cơ sở giao hàng lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa thực tế tiêu thụ giao cho cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng.

Trường hợp cơ sở có số lượng và doanh số hàng hóa bán ra lớn, bảng kê có thể lập cho 05 ngày hay 10 ngày một lần. Trường hợp hàng hóa bán ra có thuế suất thuế giá trị gia tăng khác nhau phải lập bảng kê riêng cho hàng hóa bán ra theo từng nhóm thuế suất.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với số hàng xuất bán cho người mua và được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo hóa đơn giá trị gia tăng của cơ sở giao hàng xuất cho.”

Do đó công ty xuất hóa đơn cho chi nhánh đối với hàng hóa dùng để khuyến mại thì giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ khuyến mại bằng không.

Trường hợp cơ sở có số lượng và doanh số hàng hóa bán ra lớn, bảng kê có thể lập cho 05 ngày hay 10 ngày một lần. Trường hợp hàng hóa bán ra có thuế suất thuế giá trị gia tăng khác nhau phải lập bảng kê riêng cho hàng hóa bán ra theo từng nhóm thuế suất.

Câu 3: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định - MST: 4100259074

Hóa đơn đầu vào kê khai khác kỳ thanh toán:

Theo quy định, hóa đơn mua vào được kê khai theo kỳ phát sinh. Tuy nhiên, doanh nghiệp em có một số trường hợp hóa đơn dưới 5 triệu đồng của nhân viên công tác thị trường do đặc thù địa lý nên thường thanh toán vào kỳ sau; ngoài ra có hóa đơn vận chuyển, bốc xếp, làm hàng tàu chưa hoàn tất hồ sơ thanh toán giữa hai bên.

Vậy các hóa đơn này có bắt buộc kê khai ngay trong kỳ phát sinh hay được kê khai vào kỳ hoàn tất hồ sơ thanh toán? Trường hợp sau đó hóa đơn không được phê duyệt thanh toán thì xử lý kê khai như thế nào?

Trả lời:

Tại khoản 5 Điều 12 Mục 2 Chương II Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc Hội:

“5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế, khoản thu khác đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, khoản thu khác trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác của kỳ tính thuế có sai, sót đối với các trường hợp sau:

a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra;

b) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế, khoản thu khác nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra;

...

e) Chính phủ quy định các trường hợp cơ quan điều tra đề nghị không được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, khoản thu khác để phục vụ điều tra vụ án và trách nhiệm thông báo của cơ quan điều tra cho cơ quan thuế khi kết thúc yêu cầu liên quan đến vụ án quy định tại điểm c khoản này và các trường hợp khai bổ sung theo kết luận, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế quy định tại điểm đ khoản này.”

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc Hội quy định:

“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng, quý nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng, quý đó. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng, quý thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được khai thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế như sau:

Người nộp thuế thực hiện khai bổ sung vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót nếu việc khai thuế vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế

được hoàn; người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc bị thu hồi số tiền thuế đã được hoàn tương ứng và nộp tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).

Người nộp thuế thực hiện khai vào tháng, quý phát hiện sai, sót nếu việc khai thuế vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển sang tháng, quý sau;”.

Căn cứ quy định nêu trên, Công ty thực hiện kê khai trong kỳ phát sinh hóa đơn. Trường hợp sau đó hóa đơn không được phê duyệt thanh toán thì Công ty thực hiện kê khai bổ sung thuế giá trị gia tăng đầu vào vào kỳ bị sai sót và phải đúng theo quy định khoản 5 Điều 12 Mục 2 Chương II Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 nêu trên.

Câu 4: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định - MST: 4100259074

Hóa đơn KCT và KKKNT:

Đối với các hóa đơn không chịu thuế GTGT hoặc không kê khai, tính nộp thuế GTGT, như hóa đơn xăng dầu hoặc hộ kinh doanh bán lẻ, doanh nghiệp có phải kê khai vào mục “Hàng hóa, dịch vụ mua vào” trên tờ khai thuế GTGT hay không?

Trả lời:

Đối với hóa đơn không chịu thuế GTGT (KCT) và hóa đơn thuộc đối tượng không kê khai nộp thuế GTGT (KKKNT), theo quy định Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 không bắt buộc phải kê khai. Tuy nhiên, để đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch của số liệu và thuận lợi khi đối chiếu, giải trình sau này, Công ty nên đưa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của các hóa đơn KCT/KKKNT vào chỉ tiêu [23] – “Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào” trên tờ khai mẫu 01/GTGT (ban hành theo Thông tư 89/2026/TT-BTC).

Câu 5: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bình Định - MST: 4100259074

Tên hàng hóa trên hóa đơn:

Đối với hàng hóa phải đăng ký hợp quy, tên hàng hóa trên hóa đơn điện tử có bắt buộc phải giống 100% với tên trên giấy tờ đăng ký hợp quy không? Nếu cách ghi trên hóa đơn khác nhưng vẫn xác định được đúng hàng hóa thì có được chấp nhận không?

Trả lời:

Tại Điểm 5.a1 Phụ lục nội dung của hóa đơn kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định:

“5. Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

a) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ

a.1) Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ được giao dịch bằng tiếng Việt phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp bán hàng hóa có nhiều chủng loại khác nhau thì tên hàng hóa thể hiện chi tiết đến từng chủng loại (ví dụ: Điện thoại Samsung; mặt hàng ăn, uống (trừ trường hợp tính tiền theo suất, theo phần;...)).

Trường hợp pháp luật có quy định về định danh hàng hóa, dịch vụ thì người bán thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn theo quy định pháp luật về định danh hàng hóa, dịch vụ.”

Việc ghi khác biệt, dù vẫn xác định được sản phẩm, vẫn tiềm ẩn rủi ro về thuế, do đó doanh nghiệp cần ghi chi tiết theo đúng quy định pháp luật.

Đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định nêu trên.

Câu 6: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định - MST: 4100298570

Căn cứ phân hướng dẫn tại chỉ tiêu [37], [38] trên Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm Phụ lục I Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính, trường hợp người nộp thuế phát hiện số thuế GTGT đầu vào kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì thực hiện kê khai tại chỉ tiêu [37] hoặc [38] của kỳ phát hiện sai sót trong một số trường hợp và không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Vậy trường hợp hóa đơn mua vào phát sinh từ tháng 7/2026 nhưng sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế của kỳ phát sinh, doanh nghiệp mới phát hiện và chưa kê khai thì có được kê khai số thuế GTGT đầu vào tại chỉ tiêu [38] của kỳ phát hiện? Nếu kê khai tại chỉ tiêu [38] của kỳ phát hiện thì phần giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa kê khai trước đó được ghi nhận tại chỉ tiêu nào trên tờ khai mẫu số 01/GTGT?

Trả lời:

Trường hợp hóa đơn mua vào của kỳ trước bị bỏ sót, nếu thuộc trường hợp theo hướng dẫn tại chỉ tiêu [37], [38] Mẫu số 01/GTGT thì NNT kê khai số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tại chỉ tiêu [38] của kỳ phát hiện sai, sót và không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ phát sinh.

Câu 7: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định - MST: 4100298570

Trường hợp doanh nghiệp nhận được hóa đơn điều chỉnh, hoá đơn thay thế tăng hoặc giảm giá trị và thuế GTGT của kỳ trước được lập vào kỳ sau, không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính, doanh nghiệp phải kê khai hóa đơn điều chỉnh, hoá đơn thay thế vào kỳ phát sinh hóa đơn gốc hay kỳ nhận hóa đơn điều chỉnh, hoá đơn thay thế?

Trả lời:

Trường hợp hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế tăng hoặc giảm giá trị và thuế GTGT của kỳ trước, được lập vào kỳ sau và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 91/2026/TT-BTC. Theo đó, nếu làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được hoàn thì thực hiện khai bổ sung kỳ phát sinh sai, sót; nếu làm giảm số thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng/giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì thực hiện kê khai tại kỳ phát hiện sai, sót.

Câu 8: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định - MST: 4100298570

Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ có phát sinh giao dịch thực tế và có đầy đủ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán, biên bản giao nhận/biên bản nghiệm thu, nhưng sau một thời gian nhà cung cấp mới bị cơ quan thuế xác định thuộc diện rủi ro về thuế, thì trước khi thực hiện giao dịch, doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin chính thức ở đâu và căn cứ vào thông báo hoặc trang web nào để nhận biết nhà cung cấp có rủi ro? Cơ quan thuế có kênh cảnh báo chính thức để doanh nghiệp chủ động kiểm tra và phòng tránh trường hợp này không?

Trả lời:

Trước khi thực hiện giao dịch, doanh nghiệp có thể chủ động tra cứu các thông tin đã được cơ quan thuế công khai về nhà cung cấp, gồm: tình trạng hoạt động và thông tin đăng ký thuế; thông tin hóa đơn; thông tin doanh nghiệp rủi ro, vi phạm và các thông báo, cảnh báo đã được cơ quan thuế công khai trên các hệ thống tra cứu của Cục Thuế.

Câu 9: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - MST: 4100258793

Khi thanh lý tài sản cố định (cụ thể là xe cẩu) bằng hình thức bán đấu giá tài sản thì thuế suất GTGT là bao nhiêu %. Và khi thuê đơn vị để thực hiện thanh lý tháo dỡ (cụ thể là kho hàng) (bao gồm thanh lý tháo dỡ và thanh lý bán phế liệu) thì thuế suất là bao nhiêu?

Trả lời:

Tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 108/2025/QH15 quy định về các trường hợp áp dụng thuế suất 10%

“3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số.”

Căn cứ quy định nêu trên, xe cầu và dịch vụ tháo dỡ không thuộc nhóm hàng hoá dịch vụ không chịu thuế, thuế suất 0%, thuế suất 5% và áp dụng nhóm hàng hoá dịch vụ chịu thuế suất 10% theo quy định tại khoản 3 Điều 9.

Câu 10: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - MST: 4100258793

Công ty chúng tôi đang gặp vướng mắc về việc quy định thời điểm lập hoá đơn điện tử đối với các khoản tiền nhận được từ khách hàng trước khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ. Kính đề nghị Cơ quan Thuế hướng dẫn, giải đáp cho trường hợp cụ thể sau:

1. Nội dung vướng mắc:

Hiện nay, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty thường phát sinh các giao dịch thu tiền từ khách hàng thông qua chuyển khoản ngân hàng với bản chất dịch vụ/giao dịch khác nhau:

- Khoản tạm ứng làm hàng: Khách hàng chuyển tiền trước để Công ty chuẩn bị hàng hoá, vật tư, nhiên liệu hoặc chi trả các chi phí logistics/làm hàng liên quan để triển khai dịch vụ.

- Khoản tiền đặt cọc: Khách hàng chuyển tiền nhằm mục đích đảm bảo thực hiện nghĩa vụ giao kết hoặc thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ.

2. Câu hỏi cần giải đáp:

Bản chất giữa khoản tiền tạm ứng để làm hàng/thực hiện dịch vụ và khoản tiền đặt cọc dịch vụ được phân biệt chi tiết và hiểu như thế nào trong quản lý thuế và hoá đơn?

- Quy định phát hành hoá đơn đối với khoản tiền đặt cọc:

Trường hợp khách hàng chuyển tiền cọc thuần túy để đảm bảo hợp đồng dịch vụ (chưa thực hiện kết toán hay hoàn thành dịch vụ), Công ty có phải lập HĐĐT ngay tại thời điểm nhận được tiền đặt cọc hay không?

Nếu khoản cọc sau đó được trừ vào thanh toán dịch vụ hoàn thành thì thời điểm lập hoá đơn là khi nào?

- Quy định phát hành hoá đơn đối với khoản tiền tạm ứng làm hàng:

Khi nhận được tiền tạm ứng để chuẩn bị làm hàng/thực hiện dịch vụ, công ty có bắt buộc phải phát hành hoá đơn GTGT tại thời điểm nhận tiền hay chờ đến khi dịch vụ hoàn tất/ kết toán dịch vụ mới xuất hoá đơn?

Rất mong sớm nhận được sự hướng dẫn và giải đáp từ Quý cơ quan để Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về Thuế.

Trả lời:

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP, thời điểm lập hóa đơn được xác định theo bản chất của giao dịch, cụ thể:

Đối với bán hàng hóa: Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phụ thuộc việc đã thu tiền hay chưa. Do đó, nhận tiền trước để chuẩn bị hàng hóa, vật tư, nhiên liệu không làm phát sinh thời điểm lập hóa đơn.

Đối với cung cấp dịch vụ: Trường hợp thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì lập hóa đơn tại thời điểm thu tiền.

Đối với tiền đặt cọc: Nếu khoản tiền thực sự là tiền đặt cọc theo quy định của Bộ luật Dân sự để bảo đảm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ thì không lập hóa đơn tại thời điểm nhận tiền đặt cọc. Khi cung cấp dịch vụ và phát sinh thời điểm lập hóa đơn thì lập hóa đơn theo quy định; khoản tiền đặt cọc được khấu trừ vào số tiền khách hàng phải thanh toán theo thỏa thuận.

Đối với tiền tạm ứng: Nếu bản chất là tiền thanh toán trước cho dịch vụ thì phải lập hóa đơn tại thời điểm thu tiền.

Đồng thời, để xác định đúng bản chất giao dịch và loại dịch vụ cung cấp, Công ty cần đối chiếu nội dung, tính chất hoạt động thực tế với ngành, nghề và mã ngành kinh tế tương ứng theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg, làm cơ sở xác định dịch vụ cung cấp thuộc ngành, lĩnh vực nào và áp dụng quy định về thời điểm lập hóa đơn phù hợp.

Như vậy, Công ty cần căn cứ hợp đồng, chứng từ, bản chất thực tế của khoản tiền, hoạt động cung cấp thực tế và mã ngành kinh tế tương ứng để phân biệt tiền đặt cọc với tiền thanh toán trước/tạm ứng và xác định thời điểm lập hóa đơn theo quy định.

Câu 11: Câu hỏi của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - MST: 4100258793

Hiện nay, Công ty đang thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương làm việc ban đêm của người lao động theo quy định trước đây tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC. Công ty chỉ xác định miễn thuế đối với phần tiền lương được trả cao hơn do làm việc ban đêm (phần trả thêm 30%), còn phần tiền lương theo giờ làm việc bình thường trong thời gian làm việc ban đêm vẫn được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Theo quy định tại Nghị định số 253/2026/NĐ-CP, chính sách miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm có sự thay đổi và được áp dụng đối với kỳ tính thuế năm 2026. Đồng thời, khoản 2 Điều 70 Nghị định quy định các trường hợp đã kê khai, nộp thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày Nghị định có hiệu lực thì không phải nộp lại hồ sơ khai thuế tháng, quý mà thực hiện điều chỉnh vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2026.

Trên cơ sở đó, Công ty kính đề nghị Quý Cơ quan Thuế hướng dẫn:

Trong năm 2026, Công ty có thể tiếp tục tạm khấu trừ thuế TNCN đối với tiền lương làm việc ban đêm của người lao động theo cách xác định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC như hiện nay và đến kỳ quyết toán thuế TNCN năm 2026 mới xác định lại phần thu nhập được miễn thuế theo Nghị định số 253/2026/NĐ-CP để điều chỉnh số thuế TNCN phải nộp của người lao động hay không?

Kính mong Quý Cơ quan Thuế hướng dẫn để Công ty có cơ sở thực hiện thống nhất và đúng quy định. Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Tại điều 26 và Điều 69 Nghị định số 253/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ về tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép:

“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

Tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế. Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác.

2. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 của Bộ luật Lao động và quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức.

3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

....

Điều 69. Hiệu lực thi hành:

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026...”

Căn cứ quy định nêu trên, từ ngày 01/1/2026, tiền lương làm thêm giờ và làm việc ban đêm được miễn thuế TNCN toàn bộ đối với phần trả đúng điều kiện, đúng thời gian và đúng mức theo quy định của pháp luật lao động. Trường hợp Đơn vị trả cao hơn mức pháp luật quy định thì phần vượt mức tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Câu 12: Câu hỏi của Công ty TNHH Gia Hưng Gia Lai - MST: 5900369776

Công ty có ký HĐLĐ trên 03 tháng với NLĐ và thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo biểu lũy tiến từng phần; tuy nhiên, 30/6 NLĐ chấm dứt HĐLĐ và có phát sinh các khoản thu nhập + thưởng chi trả trong tháng 07. Vậy công ty sẽ thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% hay vẫn khấu trừ theo Biểu thuế lũy tiến từng phần?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân:

“Điều 50. Khấu trừ thuế ... 2. Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân. Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ 03 tháng trở lên tại nhiều nơi.”.

Đối chiếu các quy định trên, trường hợp người lao động đã ký hợp đồng lao động, nhưng tại thời điểm chi trả các khoản thu nhập của người lao động đã không còn làm việc tại đơn vị thì đơn vị thực hiện khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân.

Câu 13: Câu hỏi của Công ty TNHH MTV Yên Đỗ NHP - MST: 5901241105

Công ty TNHH MTV Yên Đỗ NHP được thành lập ngày 15/12/2025 do Phòng doanh nghiệp, kinh tế tập thể Sở tài chính tỉnh Gia Lai cấp phép ngành nghề kinh doanh chính: Cưa xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Năm 2026 Công ty chúng tôi đã đi vào hoạt động, và thành phẩm tạo ra của công ty là: *“Phôi gỗ cao su đã qua xẻ sấy”* khâu sơ chế thông thường. Nguyên liệu đầu vào: Thu mua của các công ty và dân có vườn gỗ cao su từ trồng cây đã đến kỳ thanh lý. Đơn vị đang phân vân chưa xác định được thành phẩm đơn vị tạo ra *“Phôi gỗ cao su đã qua xẻ, sấy”* bán cho các doanh nghiệp khác trong nước thì có được coi là sản phẩm trồng trọt, lâm nghiệp chỉ qua chế biến thông thường hay không? Thuộc trường hợp không kê khai tính nộp thuế GTGT hay trường hợp là thuế GTGT 5% và 10%?

Trả lời

Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế;

Tại Điều 1 Nghị định 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về đối tượng không chịu thuế;

Tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức thuế suất 5%;

Tại khoản 2 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 quy định:

“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

“5. Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi trong quá trình sản xuất thì áp dụng mức thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu đó.”.”

Tại Điều 20 của Thông tư 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026) quy định Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Căn cứ các quy định nêu trên, từ ngày 01/01/2026 trường hợp công ty không trực tiếp trồng rừng mà thu mua gỗ rừng trồng của các tổ chức, cá nhân khác, sau đó sơ chế thành sản phẩm gỗ sơ chế thông thường để bán ra cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác ở khâu kinh doanh thương mại thì sản phẩm gỗ sơ chế thông thường bán ra thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp công ty bán ra cho các đối tượng như hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải tính thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%.

Lưu ý quy định nêu trên áp dụng cho cả đối tượng là phụ phẩm gỗ phát sinh trong quá trình chế biến như mùn cưa, dăm bào của doanh nghiệp sản xuất bàn ghế gỗ xuất khẩu.

Câu 14: Câu hỏi của Công ty TNHH MTV Minh Nhật Gia Lai - MST: 5901242684

Công ty vừa và nhỏ được thành lập trong năm 2026 có được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN đối với doanh nghiệp mới thành lập trong 3 năm đầu không (hiện tại chồng đứng tên giám đốc công ty, còn vợ đứng tên chủ hộ kinh doanh thành lập năm 2020)?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị định 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân:

“ Điều 7. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

...

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu:

a) Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại;

b) Quy định ưu đãi tại khoản này không áp dụng đối với:

b1) Doanh nghiệp thành lập mới do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

b2) Doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới;”.

Căn cứ Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa:

“Điều 5. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100

tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”.

Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN đối với doanh nghiệp thành lập 03 năm đầu kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và đáp ứng được điều kiện doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Câu 15: Câu hỏi của Công ty TNHH Quicornac - MST: 5901161900

(1) Hiện tại đối với tỷ giá thể hiện trên hóa đơn GTGT của hàng hóa xuất khẩu thì sẽ áp dụng theo tỷ giá trung bình mua bán của ngân hàng thương mại do thông tư 99 hướng dẫn hay áp dụng theo tỷ giá căn cứ trên tờ khai hải quan theo Nghị định 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026?

(2) Ngoài ra, Công ty có một số hóa đơn tặng vỏ chanh dây miễn phí cho các hộ nông dân để phục vụ mục đích làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ phân. Hiện tại các thông tin về căn cước công dân, mã số thuế và địa chỉ của nông hộ, công ty đang không có đầy đủ thông tin cũng như chưa thể kiểm tra chính xác các thông tin trên, trong trường hợp này công ty xuất hóa đơn thể hiện tên người mua hàng là “bán hàng cho người tiêu dùng” thì có đúng quy định hay không và nếu như chưa đúng thì công ty có bắt buộc phải xuất đầy đủ thông tin hay không (mã số thuế, địa chỉ, căn cước công dân)?

Trả lời:

(1) Hiện nay, đối với việc ghi tỷ giá trên hóa đơn, Cục Thuế đang báo cáo Chính phủ để có hướng dẫn thống nhất. Do chưa có hướng dẫn cụ thể, Công ty tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật kế toán và tỷ giá giao dịch thực tế.

(2) Theo quy định tại điểm b khoản 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026:

“Trường hợp người mua là người tiêu dùng cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (đối với người mua là người nước ngoài cung cấp thông tin để lập hóa đơn thì thông tin về địa chỉ, số định danh cá nhân có thể được thay thế bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng); trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn thể hiện rõ “Bán cho người tiêu dùng”. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại điểm 9 Phụ lục này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân của người mua.

Hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn xuất cho người tiêu dùng thì không có giá trị để tổ chức kinh tế, cơ quan, tổ chức khác, hộ kinh doanh,

cá nhân kinh doanh sử dụng vào mục đích hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế theo quy định pháp luật về thuế.”

Theo quy định tại điểm a.3 khoản 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026:

*“Đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại; hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng phù hợp với quy định của pháp luật, doanh nghiệp **được lập hóa đơn tổng hợp** cho các **giao dịch phát sinh trong tháng, quý** phù hợp với kỳ khai thuế giá trị gia tăng của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa. Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa có trách nhiệm bảo đảm việc lập hóa đơn tổng hợp phản ánh đầy đủ, chính xác các giao dịch phát sinh; lưu giữ danh sách chi tiết hàng hóa, dịch vụ khuyến mại, cho, biếu, tặng và hồ sơ có liên quan; cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ quản lý thuế khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn theo từng giao dịch thì người bán phải lập hóa đơn giao cho khách hàng theo quy định.*

Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất thuế giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số...ngày... tháng... năm”;

Công ty căn cứ vào tình hình thực tế để thực hiện lập hóa đơn cho các hộ nông dân theo quy định nêu trên.

Câu 16: Câu hỏi của Công ty TNHH Bệnh viện Hùng Vương Gia Lai - MST: 5901136679

(1) Đơn vị chúng tôi có hoạt động kinh doanh nhà thuốc, siêu thị và sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền, người mua có cung cấp tên và địa chỉ, nhưng không cung cấp CCCD, thì xuất HĐ mình ghi tên người mua và địa chỉ được không. Hay trong trường hợp khách hàng không cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định thì bắt buộc phải ghi “*Bán cho người tiêu dùng*”. Vì quan đến đến vấn đề khách hàng chuyển khoản thanh toán, nếu hóa đơn thể hiện họ tên người mua, đơn vị có thể đối chiếu giữa người chuyển tiền - doanh thu, hạn chế nhầm lẫn và thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối soát doanh thu?

(2) Trong quá trình lập và phát hành hóa đơn, có thể phát sinh các sai sót. Đề nghị Cơ quan thuế hướng dẫn cụ thể đối với hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Những trường hợp nào được phép lập hóa đơn điều chỉnh; những trường hợp

nào không được phép lập hóa đơn điều chỉnh mà phải lập hóa đơn thay thế hoặc thực hiện theo phương thức xử lý khác?

(3) Tại đơn vị chúng tôi phát sinh trường hợp người lao động làm việc trong thời gian làm việc bình thường, vào ban ngày, được chi trả tiền lương gồm lương cơ bản và lương sản phẩm ; sau khi kết thúc thời gian làm việc bình thường, người lao động làm việc vào ban đêm, đơn vị chỉ trả bằng mức lương cơ bản và thêm khoản “hỗ trợ vị trí công việc” từ 150.000 đồng đến 500.000 đồng/ca, tùy theo vị trí công việc. Khoản hỗ trợ này được chi trả căn cứ vào việc người lao động thực tế có làm việc vào ban đêm, có được xác định là khoản tiền lương, tiền, tiền công làm thêm giờ vào ban đêm thuộc khoản thu nhập được miễn thuế TNCN theo quy định hay không?

Trả lời:

(1) Theo quy định tại điểm b khoản 4 Phụ lục kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ:

“b) Trường hợp người mua là người tiêu dùng cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (đối với người mua là người nước ngoài cung cấp thông tin để lập hóa đơn thì thông tin về địa chỉ, số định danh cá nhân có thể được thay thế bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng); trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn thể hiện rõ “Bán cho người tiêu dùng”. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại điểm 9 Phụ lục này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân của người mua.

Hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn xuất cho người tiêu dùng thì không có giá trị để tổ chức kinh tế, cơ quan, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng vào mục đích hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế theo quy định pháp luật về thuế.”.

Đề nghị Công ty thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 4 Phụ lục kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

(2) Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư 91/2026/TT-CP ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính Quy định một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử:

“Điều 10. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập

1. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) thì người bán thực hiện xử lý như sau:

...

c) Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai là hóa đơn điện tử từ máy tính tiền hoặc hóa đơn điện tử bán hàng hóa là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản thì người bán lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai, trừ trường hợp quy định tại điểm c.2 khoản 5 Điều này”.

Như vậy, trường hợp lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền thì người bán lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai.

(3) Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN:

“1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.”

Việc đơn vị chi trả thêm khoản “hỗ trợ vị trí công việc” không thuộc tiền lương, tiền công nên không thuộc diện được miễn tiền thuế TNCN.

Câu 17: Câu hỏi của Chi nhánh CTCP Đường Quảng Ngãi - Nhà máy đường An Khê - MST: 4300205943-013

(1) Trong kỳ kê khai thuế GTGT tháng 7/2026, có hóa đơn sót của những tháng trước đó (ví dụ T4 5 6). Nếu quay về kỳ gốc sẽ làm giảm số thuế GTGT phải nộp. Vậy trong kỳ kê khai thuế GTGT tháng 7, giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào và thuế GTGT của những hóa đơn sót sẽ kê khai vào chỉ tiêu 37 38 hay 23 24 trên tờ khai 01/GTGT. Nếu kê khai vào chỉ tiêu 37, 38 sẽ ảnh hưởng đến hệ số K, trường hợp hệ số K rủi ro thì doanh nghiệp phải làm gì?

(2) Từ ngày 1/7/2026 doanh nghiệp sẽ kê khai thuế GTGT, thuế tài nguyên theo biểu mẫu tại TT89/2026. Trong trường hợp đến hạn kê khai thuế, chưa có biểu mẫu mới trên HTKK hoặc Dichvucong, doanh nghiệp làm như thế nào? Doanh nghiệp có được tiếp tục kê khai theo biểu mẫu TT80/2021 không?

(3) Khi doanh nghiệp xuất hóa đơn bán ra liên quan đến hàng biếu tặng cho người lao động, tập thể/cá nhân đối tác, vì số lượng cá nhân/tập thể nhận quà tặng nhiều nên doanh nghiệp có lập bảng kê chi tiết đính kèm hóa đơn. Vậy mục thông tin người mua hàng thể hiện như thế nào trong hóa đơn bán ra do doanh nghiệp xuất?

Theo quy định tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP: Hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn xuất cho người tiêu dùng thì không có giá trị để tổ chức kinh tế, cơ quan, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng vào mục đích hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế theo quy định pháp luật về thuế.

Trả lời:

(1) Theo ghi chú của tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT được ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư 89/2026/TT-BTC có hướng dẫn như sau:

“4. Chỉ tiêu [37] và [38]:

....

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thực hiện khai vào chỉ tiêu [37] hoặc [38] tháng, quý phát hiện sai, sót nếu việc khai thuế được thực hiện vào tháng, quý phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế)...”

Trường hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi - Nhà máy đường An Khê phát hiện hóa đơn điện tử có số thuế GTGT đầu vào của tháng 4,5,6/2026 khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót, việc khai thuế nếu thực hiện vào các tháng 4,5,6/2026 chỉ làm giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp thì Công ty thực hiện khai vào chỉ tiêu [38] tháng phát hiện sai, sót (tháng 07/2026).

Nếu doanh nghiệp bị đưa vào diện cảnh báo/ yêu cầu giải trình hệ số K, cần:

- Chuẩn bị công văn giải trình gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nêu rõ lý do: hóa đơn phát sinh từ các tháng 4,5,6/2026 nhưng bị bỏ sót, nay kê khai bổ sung theo đúng quy định tại chỉ tiêu [38].

- Kèm theo hồ sơ chứng minh: hóa đơn gốc, sổ sách kế toán, chứng từ thanh toán liên quan (nếu có) để chứng minh giao dịch có thật, hợp pháp.

Câu 2: Theo khoản 4 điều 52 Luật Quản lý thuế quy định:

“4. Cơ quan thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ việc thực hiện đầy đủ các giao dịch điện tử trong quản lý thuế. Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế được thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.”

Theo khoản 2 Điều 99 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính quy định về hiệu lực thi hành:

“2. Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực quản lý thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Quản lý thuế.”

Theo khoản 8 Điều 100 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính quy định chuyên tiếp:

“8. Đối với các thủ tục kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử thực hiện theo mẫu biểu, thủ tục, phương thức giao dịch điện tử đang áp dụng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, cho đến thời điểm cơ quan thuế thông báo chính thức áp dụng thống nhất trên Hệ thống thông tin quản lý thuế.”

Từ thời điểm 01/07/2026, cơ quan thuế tiến hành nâng cấp hệ thống theo lộ trình và sẽ hoàn thành trước ngày 01/01/2027. Trong trường hợp đến hạn kê khai thuế mà chưa có biểu mẫu mới trên HTKK hoặc Dichvucong, NNT tiếp tục thực hiện kê khai theo quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Câu 3: Theo quy định tại điểm Khoản 4 Phụ lục Nội dung của hóa đơn Kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định về tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách hoặc số định danh cá nhân của người mua:

“a) Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh (tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) có mã số thuế thì tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua thể hiện trên hóa đơn phải ghi theo đúng tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp người mua cung cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách thì tên, địa chỉ, mã số đơn vị có quan hệ ngân sách thể hiện trên hóa đơn là mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách được cấp

b) Trường hợp người mua là người tiêu dùng cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (đối với người mua là người nước ngoài cung cấp thông tin để lập hóa đơn thì thông tin về địa chỉ, số định danh cá nhân có thể được thay thế bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng); trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn thể hiện rõ “Bán cho người tiêu dùng...”

Theo quy định tại điểm a.3 Khoản 5 Phụ lục Nội dung của hóa đơn Kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định:

“Đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại; hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng phù hợp với quy định của pháp luật, doanh nghiệp được lập hóa đơn tổng hợp cho các giao dịch phát sinh trong tháng, quý phù hợp với kỳ khai thuế giá trị gia tăng của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa. Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa có trách nhiệm bảo đảm việc lập hóa đơn tổng hợp phản ánh đầy đủ, chính xác các giao dịch phát sinh; lưu giữ danh sách chi tiết hàng hóa, dịch vụ khuyến mại, cho, biếu, tặng và hồ sơ có liên quan; cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ quản lý thuế khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn theo từng giao dịch thì người bán phải lập hóa đơn giao cho khách hàng theo quy định.

Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất thuế giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số...ngày... tháng...năm”.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định:

“Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

...

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng...”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty tặng quà cho nhân viên, đối tác; trên hóa đơn phải thể hiện nội dung cho, biếu, tặng và Công ty có trách nhiệm bảo đảm việc lập hóa đơn phản ánh đầy đủ, chính xác; phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan. Chi phí hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng của Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ, việc thể hiện “*Bán cho người tiêu dùng*” trên hóa đơn xuất hàng cho, biếu, tặng không ảnh hưởng đến việc doanh nghiệp xác định chi phí của hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.